

Số: 870/QĐ-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, định hướng đến năm 2030

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 389/TTg ngày 26/07/1993 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2006/QĐ-TTg ngày 22/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển sang loại hình trường đại học công lập với tên gọi là Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-ĐHM ngày 15/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức, diện tích công trình sự nghiệp, máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 60/HCQT ngày 17/2/2025 của Trường Phòng Hành chính – Quản trị về việc đề nghị Lãnh đạo các đơn vị lập tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 218/HCQT ngày 06/5/2025 của Trường Phòng Hành chính – Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Các đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được phê duyệt, quản lý, đề xuất mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung có liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Quyết định số 1565/QĐ-ĐHM ngày 15/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được thay thế bằng Quyết định này.

Điều 4. Các ông/bà Trưởng Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Tài chính – Kế toán, Lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, HCQT (5).

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hà

PHỤ LỤC 1

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Khoa Công nghệ sinh học, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Phòng thực hành/thí nghiệm Động vật học

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bếp hồng ngoại	Cái	02	03
2	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	02	03
3	Tủ đông	Cái	01	01
4	Tủ ôn	Cái	01	02
5	Máy sấy	Cái	02	03
6	Tủ mát	Cái	01	01
7	Tủ sấy	Cái	01	01
8	kính hiển vi soi nổi	Cái	01	02
9	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	01
10	Bể điều nhiệt	Cái	01	01
11	Lò vi sóng	Cái	01	01
12	Kính hiển vi	Cái	15	25
13	Thiết bị vệ sinh	Cái	01	01
14	Tủ hút khí độc	Cái	01	01
15	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	01
16	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	01	01
17	Thiết bị quang phổ UV-Vis	Cái	01	02
18	Máy li tâm	Cái	01	02
19	Micropipet từ 100-1000 μ l	Bộ	05	10
20	Máy PCR 96 giếng Alphacycler AC196	Cái	01	02
21	Bộ điện di DNA	Cái	02	02
22	MÁY ĐỌC GEL (LED Blue/White Light)	Cái	01	02
23	Bộ chuyển đổi AC/1.5A	Cái	00	01
24	Tủ -80	Cái	01	02

2. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ thực phẩm 1

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Tủ hút khí độc	Cái	01	02
2	Hệ thống chưng cất đậm Kiejdah	Cái	01	02
3	Máy đọc khay vi thể bước sóng liên tục	Cái	01	02
4	Máy đo tỷ trọng	Cái	01	02
5	Bể rửa siêu âm	Cái	01	02
6	Máy lắc sàng rung	Cái	01	02
7	Máy nghiền mẫu	Cái	01	02
8	Cân kỹ thuật điện tử 2 số	Cái	04	05
9	Cân kỹ thuật 4 số	Cái	01	02
10	Máy đo pH/mv/nhiệt độ bàn	Cái	01	02
11	Máy đo hoạt độ nước	Cái	01	02
12	Máy đo độ nhớt	Cái	01	02
13	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	02
14	Tủ sấy	Cái	02	03
15	Máy ly tâm điện tử hiện số	Cái	01	02
16	Máy đo màu để bàn	Cái	01	02
17	Máy phân tích cấu trúc	Cái	01	02
18	Bếp đun bình cầu có khuấy từ	Cái	02	03

3. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ thực phẩm 2

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bếp hồng ngoại	Cái	06	10
2	Dụng cụ thí nghiệm pH cầm tay	Cái	05	06
3	Lò nướng	Cái	02	03
4	Máy xay sinh tố	Cái	03	04
5	Lò nung điện, Lenton, hiện số 8 lít	Cái	02	03
6	Bếp từ	Cái	03	04
7	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	04	05
8	Tủ âm	Cái	02	03

9	Máy khuấy từ	Cái	03	04
10	Máy quang phổ UV -Vis	Cái	01	02
11	Tủ mát	Cái	01	02
12	Máy lắc	Cái	02	04
13	Máy đo PH, 410A - ORION, máy để bàn	Cái	02	03
14	Tủ sấy	Cái	02	03
15	Tủ lạnh	Cái	02	03
16	Tủ cấy	Cái	01	02
17	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	02
18	Dụng cụ thí nghiệm Brix kế 0 - 30	Cái	02	03
19	Máy ly tâm, Hettich-Đức , Universal 320R, điện tử hiện số	Cái	01	02
20	Lò vi sóng	Cái	02	03
21	Cân phân tích	Cái	01	02
22	Kính hiển vi	Cái	06	08
23	Micropipet	Bộ	06	08

4. Phòng thực hành/thí nghiệm Sinh hóa

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bể điều nhiệt	Cái	01	02
2	Cân phân tích (5 số lẻ)	Cái	01	02
3	Cân kỹ thuật (2 số lẻ), 600 g/0.01 g	Cái	02	04
4	Máy cô quay chân không	Cái	01	02
5	Máy sấy thăng hoa	Cái	01	02
6	Hệ thống sắc lý lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Cái	01	01
7	Máy sấy phun quy mô PTN	Cái	01	02
8	Tủ ẩm	Cái	01	02
9	Bình đun siêu tốc	Cái	04	05
10	Máy quang phổ	Cái	01	02
11	Máy vắt cam	Cái	05	06
12	Máy li tâm lâm sàng	Cái	01	02
13	Tủ mát	Cái	01	02
14	Tủ sấy	Cái	01	02

15	Tủ lạnh	Cái	01	02
16	Cân kỹ thuật	Cái	01	02
17	Tủ hút khí độc	Cái	01	02

5. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ vi sinh 1

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Tủ an toàn sinh học	Cái	01	01
2	Thiết bị vệ sinh	Cái	01	01
3	Máy cất nước	Cái	01	02
4	Kính hiển vi	Cái	06	10
5	Cân kỹ thuật	Cái	01	02
6	Lò vi sóng	Cái	01	01
7	Kính hiển vi, kính 3 mắt chụp hình	Cái	01	02
8	Máy ly tâm, Hettich-Đức , Universal 320R, điện tử hiện số	Cái	01	02
9	Bộ lọc chân không, f47mm	Cái	01	02
10	Hệ thống lọc tiếp tuyến	Cái	01	01
11	Máy đông khô	Cái	01	01
12	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	01
13	Nồi hấp	Cái	01	01
14	Tủ cấy	Cái	01	01
15	Tủ lạnh	Cái	02	03
16	Tủ sấy	Cái	01	01
17	Máy đo PH, 410A - ORION, máy để bàn	Cái	01	01
18	Tủ mát	Cái	01	01
19	Tủ đông	Cái	01	01
20	Máy khuấy từ	Cái	01	02
21	Tủ ẩm	Cái	01	01
22	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	02	03
23	Bếp hồng ngoại	Cái	02	03

6. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ vi sinh 2

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Dụng cụ thí nghiệm	Cái	02	05
2	Bếp hồng ngoại	Cái	02	03
3	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	02	03
4	Tủ ẩm	Cái	01	01
5	Tủ mát	Cái	01	01
6	Tủ sấy	Cái	01	01
7	Nồi hấp	Cái	01	01
8	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	01
9	Lò vi sóng	Cái	01	01
10	kính hiển vi	Cái	06	10
11	Thiết bị vệ sinh	Cái	01	01
12	Tủ hút khí độc	Cái	01	01
13	Tủ an toàn sinh học	Cái	01	01
14	Micropipet	Bộ	05	10
15	Máy ly tâm lạnh	Cái	01	01
16	Máy cô quay	Cái	01	01

7. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ tế bào

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Lux kế	Cái	01	02
2	Máy lắc	Cái	02	03
3	Máy đo PH, 410A - ORION, máy để bàn	Cái	01	02
4	Tủ sấy	Cái	01	02
5	Tủ lạnh	Cái	01	02
6	Kính hiển vi soi nổi	Cái	01	02
7	Tủ cấy	Cái	01	02
8	Nồi hấp	Cái	01	02
9	Tủ bảo quản kính hiển vi	Cái	01	02

8. Phòng thực hành/thí nghiệm Công nghệ sinh học và ứng dụng

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	01	02
2	Máy khuấy từ	Cái	02	03
3	Máy lắc	Cái	03	04
4	Tủ lạnh	Cái	01	02
5	Bộ điện di đứng	Cái	01	02
6	Bộ lưu điện	Cái	01	02
7	Hệ thống điện di	Cái	04	05
8	Hệ thống máy chụp ảnh	Cái	01	02
9	Máy chuyển màng	Cái	01	02
10	Máy cô quay	Cái	01	02
11	Máy đọc khay vi thể	Cái	01	02
12	Máy gia nhiệt	Cái	01	02
13	Máy hút dịch	Cái	01	02
14	Máy khuếch đại gen PCR	Cái	01	02
15	Máy ly tâm	Cái	02	03
16	Máy realtime PCR	Cái	01	02
17	Máy trợ hút	Cái	01	02
18	Máy ly tâm lạnh 1.5mlx24 vị trí. Model: MIKRO 200R	Cái	01	02
19	Lò lai phân tử, Model/Code: ProBlot H0600A,	Cái	01	02
20	Máy đếm tế bào tự động, Model/Code: TC20 Autom ated Cell (1450102)	Cái	01	02
21	Máy chụp ảnh hình quang tế bào,	Cái	01	02
22	Hệ thống nuôi chuột, Model: LNC-30, Chất liệu: Inox không gỉ	Cái	01	02
23	Máy đếm tế bào tự động,	Cái	01	02
24	Tủ âm	Cái	01	02
25	Tủ lạnh -30	Cái	01	02
26	Tủ lạnh -80	Cái	01	02
27	Tủ thao tác	Cái	01	02
28	Bể điều nhiệt	Cái	01	02

29	Cân kỹ thuật	Cái	01	02
30	Máy cất nước	Cái	01	02
31	Tủ an toàn sinh Học	Cái	01	02
32	Bộ cất lát	Cái	00	01
33	Kính hiển vi soi ngược	Cái	00	01

9. Phòng thực hành/thí nghiệm Hóa – Môi trường

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bếp hồng ngoại	Cái	05	10
2	Máy xay sinh tố	Cái	02	05
3	Bếp từ	Cái	03	06
4	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	02	04
5	Máy khuấy từ	Cái	03	08
6	Máy đo điểm nóng chảy, Analogue SMP1 , Bibby	Cái	01	02
7	Đèn soi tử ngoại, Vilber Lourmat VL-6.LC	Cái	01	02
8	Máy quang phổ	Cái	01	01
9	Máy đo PH, 410A - ORION, máy để bàn	Cái	02	06
10	Tủ sấy	Cái	01	02
11	Tủ lạnh	Cái	01	02
12	Máy cô quay	Cái	01	02
13	Bể điều nhiệt	Cái	02	03
14	Máy ly tâm, Hettich-Đức, Universal 320R, điện tử hiện số	Cái	01	02
15	Cân kỹ thuật	Cái	01	02
16	Máy cất nước	Cái	01	02
17	Thiết bị vệ sinh	Cái	01	02
18	Tủ hút khí độc	Cái	01	01

10. Phòng thực hành/thí nghiệm Sinh học phân tử

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bể điều nhiệt	Cái	01	02

2	Bếp hồng ngoại	Cái	02	04
3	Bộ điện di đứng	Cái	01	02
4	Bộ lưu điện	Cái	01	01
5	Cân kỹ thuật	Cái	01	02
6	Cân điện tử 2 số lẻ 600g/0.01g	Cái	01	02
7	Hệ thống điện di	Cái	02	03
8	Hệ thống máy chụp ảnh	Cái	01	01
9	Lò vi sóng	Cái	01	01
10	Máy cất nước	Cái	01	02
11	Máy chuyển màng	Cái	01	01
12	Máy gia nhiệt	Cái	01	01
13	Máy khuấy từ	Cái	01	01
14	Máy luân nhiệt	Cái	01	02
15	Máy ly tâm	Cái	01	02
16	Máy quang phổ	Cái	01	02
17	Máy realtime PCR	Cái	01	02
18	Micropipet	Cái	05	10
19	Nồi	Cái	01	01
20	Máy đo PH, 410A - ORION, máy để bàn	Cái	01	01
21	Máy ly tâm lạnh 1.5mlx24 vị trí. Model: MIKRO 200R	Cái	01	01
22	Hệ thống điện di hoàn chỉnh, DNA - Bio RAD	Cái	01	01
23	Hệ thống điện di ngang phân tích, Protein 1-D, 2-D	Cái	01	02
24	Bàn soi UV, Major Scientific, MUV 21-254/365	Cái	01	01
25	Máy PCR 96 giếng, Benchmark, TC 9639 (mã T5000-96)	Cái	01	02
26	Hệ thống điện di DNA, Mupid@-One	Cái	01	02
27	Hệ thống điện di, nguồn điện di nano PAC-300MINI	Cái	01	02
28	Universal 32R code 1420,Rotor (dùng cho máy ly tâm)	Cái	01	02
29	Thiết bị vệ sinh	Cái	01	01
30	Tủ âm	Cái	01	01
31	Tủ âm	Cái	01	01

32	Tủ an toàn sinh HỌC	Cái	01	01
33	Tủ cấy	Cái	01	01
34	Tủ hút khí độc	Cái	01	02
35	Tủ lạnh	Cái	01	03
36	Tủ lạnh	Cái	01	03
37	Tủ lạnh	Cái	01	03
38	Tủ mát	Cái	01	02
39	Tủ sấy	Cái	01	01
40	Tủ thao tác	Cái	02	04

PHỤ LỤC 2

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Phòng thực hành máy tính Khoa Công nghệ thông tin

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy trạm (bao gồm cả màn hình, bàn phím, chuột)	Bộ	51	51
2	Thiết bị trình chiếu	Bộ	01	01
3	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro)	Bộ	01	01

2. Phòng thí nghiệm Trí tuệ nhân tạo

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Ổ cứng di động	Cái	07	20
2	Ổ cứng HDD 20TB	Cái	00	10
3	Tủ Rack	Cái	01	05
4	Thiết bị lưu trữ NAS	Cái	00	05
5	Đầu đọc thẻ nhớ	Cái	00	10
6	Cảm biến các loại thu thập dữ liệu	Bộ	00	150
7	Bộ máy ảnh Sony + Len đủ tiêu cự	Bộ	00	02
8	MAC Studio	Cái	01	05
9	Màn hình 5K	Cái	01	05
10	NVIDIA L40 GPU (main 4.0) 48G	Cái	00	05
11	NVIDIA A100 GPU 48G	Cái	00	05
12	Ổ cứng Synology Plus HAT3300 4TB	Cái	00	05
13	Máy vi tính AI	Cái	02	05
14	Camera IP	Cái	02	02
15	Thiết bị chuyển mạch (switch)	Cái	01	05
16	Nguồn Power	Cái	02	02

17	Laptop	Cái	01	05
18	Bàn phím chuột MX Anywhere	Bộ	00	05
19	Máy tính Mini NUC	Bộ	04	05
20	Máy vi tính để bàn	Bộ	03	10
21	Bộ lưu điện UPS	Cái	02	10
22	Máy in laser trắng đen	Cái	01	01
23	Thiết bị hội họp trực tuyến	Bộ	01	01
24	Raspberry Pi 4	Cái	04	10
25	Màn hình 7 inch HDMI LCD	Cái	04	10
26	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm	Cái	04	10
27	Cảm biến cường độ ánh sáng	Cái	04	10
28	Cảm biến đo nồng độ CO2	Cái	04	10
29	Cảm biến chất lượng không khí PM2.5	Cái	04	10
30	Cảm biến đo nồng độ O2	Cái	04	10
31	Cảm biến đo nồng độ N2	Cái	04	10
32	Cảm biến áp suất khí, chất lỏng màng phẳng	Cái	04	10

PHỤ LỤC 3

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trung tâm Quản lý**

Hệ thống thông tin, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Phòng thực hành máy tính 40 chỗ/phòng (03 phòng)

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy chủ	Cái	00	01
2	Máy trạm (bao gồm cả màn hình, bàn phím, chuột)	Bộ	41	41
3	Tai nghe, micro kết hợp	Cái	41	41
4	Webcam	Cái	41	41
5	Thiết bị trình chiếu	Bộ	01	01
6	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro)	Bộ	01	01
7	Hệ thống camera	Bộ	01	01

2. Phòng thực hành máy tính 50 chỗ/phòng (09 phòng)

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy chủ	Cái	00	01
2	Máy trạm (bao gồm cả màn hình, bàn phím, chuột)	Bộ	51	51
3	Tai nghe, micro kết hợp	Cái	51	51
4	Webcam	Cái	00	51
5	Thiết bị trình chiếu	Bộ	01	01
6	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro)	Bộ	01	01
7	Hệ thống camera	Bộ	00	01

3. Phần mềm sử dụng chung

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Hệ điều hành Microsoft Windows	Bộ	01	01
2	Bộ phần mềm Microsoft Office 365	Bộ	01	01

3	Các phần mềm trình duyệt Internet (Chrome, Firefox, ...)	Bộ	01	01
4	Các phần mềm tiện ích cho người học (Foxit Reader, 7z, ..)	Bộ	01	01
5	Các nền tảng, công cụ lập trình (SLQ Server, MySQL, PyCharm, MS .NET SDK, MS Visual Studio, ...)	Bộ	01	01
6	Các phần mềm ứng dụng theo chuyên ngành học (SPSS, SAP, MISA, MYOB AccountRight, RStudio ...)	Bộ	01	01
7	Các phần mềm phục vụ quản lý phòng máy (NetSupport School, ...)	Bộ	01	01

PHỤ LỤC 4

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Trung tâm Đào tạo
trực tuyến, định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Phòng studio 1

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Camera giám sát	Bộ	01	01
2	Đèn quay phim kino	Cái	16	20
3	Đèn flash máy ảnh	Cái	01	03
4	Ghế ghi hình	Cái	01	01
5	Giá treo	Cái	01	01
6	Chân đèn	Cái	04	06
7	Máy vi tính (dùng để biên tập)	Cái	05	05
8	Màn hình máy tính (dùng để biên tập)	Cái	09	09
9	Máy chụp ảnh	Cái	02	06
10	Máy ghi âm	Cái	01	01
11	Máy nhắc chữ	Cái	01	02
12	Máy quay phim	Cái	04	08
13	Máy tính xách tay	Cái	01	02
14	Micro thu âm	bộ	01	03
15	Micro ghi hình	Cái	03	07
16	Micro hội nghị	Cái	01	03
17	Ổ cứng di động	Cái	06	10
D	Ổ cứng gắn trong	Cái	05	10
19	Ống kính rời	Cái	01	03
20	Ti vi	Cái	02	02
21	Tủ sấy máy ảnh	Cái	01	02
22	Tuy trợ lực	Bộ	01	01
23	Thẻ nhớ dùng cho máy quay và máy ảnh	Cái	06	12

24	Thiết bị chống rung	Bộ	01	03
25	Thiết bị định tuyến	Cái	02	02
26	Thiết bị livestream	Cái	02	02
27	Thiết bị lưu trữ NAS	Bộ	02	06
28	Thiết bị sạc pin	Cái	04	07
29	Bộ lưu điện Santak	Cái	05	05

2. Phòng studio 2

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Đèn quay phim kino	Cái	10	10
2	Ghế ghi hình	Cái	01	01
3	Màn hình tương tác	Cái	01	01
4	Máy nhắc chữ	Cái	01	02
5	Máy quay phim	Cái	01	03
6	Máy tính xách tay	Cái	01	02
7	Micro	Bộ	01	03
8	Ti vi	Cái	02	02

PHỤ LỤC 5

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thư viện, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: 870/QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Cơ sở Võ Văn Tần

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế đọc	Bộ	51	51
2	Cổng từ	Bộ	01	01
3	Hệ thống camera	Bộ	01	01
4	Hệ thống RFID (cổng RFID, máy mượn trả tự động, thiết bị quầy thông tin, máy quét kiểm kê)	Bộ	01	01
5	Kệ sách	Cái	134	134
6	Máy đọc mã vạch	Cái	09	09
7	Máy khử nạp tem từ	Cái	01	01
8	Máy vi tính (thủ thư)	Cái	02	02
9	Máy vi tính (tra cứu tài liệu)	Cái	18	18
10	Máy chủ	Cái	01	01
11	Phần mềm kiểm tra dữ liệu	Bộ	01	01
12	Phần mềm thư viện	Bộ	01	01
13	Quầy thủ thư	Cái	01	01
14	Sofa	Bộ	04	04
15	Tivi	Cái	01	01
16	Tủ đựng cặp sách	Bộ	02	02
17	Xe đẩy tài liệu	Cái	01	02

2. Cơ sở Nhà Bè

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế đọc	Bộ	84	100
2	Cổng từ	Bộ	01	01
3	Hệ thống camera	Bộ	01	01

4	Hệ thống RFID (cổng RFID, máy mượn trả tự động, thiết bị quầy thông tin, máy quét kiểm kê)	Bộ	01	01
5	Kệ sách	Cái	153	160
6	Máy đọc mã vạch	Cái	02	02
7	Máy khử nạp tem từ	Cái	01	01
8	Máy vi tính (thủ thư)	Cái	02	02
9	Máy vi tính (tra cứu tài liệu)	Cái	22	30
10	Quầy thủ thư	Cái	01	01
11	Sofa	Bộ	02	02
12	Tivi	Cái	01	01
13	Tủ đựng cặp sách	Cái	04	04
14	Xe đẩy tài liệu	Cái	01	02

3. Cơ sở Mai Thị Lựu

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế đọc	Bộ	14	14
2	Hệ thống camera	Bộ	01	01
3	Kệ sách	Cái	32	32
4	Máy đọc mã vạch	Cái	01	01
5	Máy vi tính (thủ thư)	Cái	01	01
6	Máy vi tính (tra cứu tài liệu)	Cái	05	05
7	Quầy thủ thư	Cái	01	01
8	Tủ đựng cặp sách	Cái	05	05

4. Cơ sở Long Bình Tân

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế đọc	Bộ	31	80
2	Sofa	Bộ	01	01
3	Hệ thống camera	Bộ	01	01
4	Kệ sách	Cái	50	100
5	Máy đọc mã vạch	Cái	01	02

6	Máy vi tính (thủ thư)	Cái	01	01
7	Quầy thủ thư	Cái	10	20
8	Tủ đựng cặp sách	Cái	04	05
9	Xe đẩy tài liệu	Cái	01	02

5. Cơ sở Bình Dương

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế đọc	Bộ	10	10
2	Hệ thống camera	Bộ	01	01
3	Quầy thủ thư	Cái	01	01
4	Kệ sách	Cái	30	30
5	Máy đọc mã vạch	Cái	01	01
6	Máy vi tính (thủ thư)	Cái	01	01
7	Máy vi tính (tra cứu tài liệu)	Cái	00	01
8	Tủ đựng cặp sách	Cái	04	05

PHỤ LỤC 6

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Phòng Quản lý đào tạo, định hướng đến năm 2030

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Phòng học sức chứa 60 chỗ/phòng

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế giảng viên	Bộ	01	01
2	Bàn học	Chỗ	60	60
3	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro)	Bộ	01	01
4	Thiết bị trình chiếu	Bộ	01	01

2. Phòng học sức chứa 100 chỗ/phòng

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bàn ghế giảng viên	Bộ	01	01
2	Bàn học	Chỗ	100	100
3	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro)	Bộ	01	01
4	Thiết bị trình chiếu	Bộ	01	01

3. Hội trường sức chứa 261 chỗ

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bục phát biểu	Cái	01	01
2	Ghế hội trường	Chỗ	261	261
3	Màn hình led	Cái	01	01
4	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro, mixer)	Bộ	01	01
5	Hệ thống camera	Bộ	01	01

4. Hội trường sức chứa 400 chỗ

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Bục phát biểu	Cái	01	01
2	Ghế hội trường	Chỗ	400	400
3	Màn hình led	Cái	01	01
4	Hệ thống âm thanh (amply, loa, micro, mixer)	Bộ	01	01
5	Hệ thống camera	Bộ	01	01

PHỤ LỤC 7

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Phòng Công tác sinh viên
và Truyền thông, định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Thiết bị của Bộ phận truyền thông

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy ảnh + phụ kiện	Bộ	04	04
2	Máy quay + phụ kiện	Bộ	02	05
3	Camera hội nghị	Bộ	01	02
4	Thiết bị bay lấy hình ảnh trên cao (Flycam)	Bộ	00	01
5	Ống kính máy ảnh	cái	01	01
6	Thiết bị chống rung, ổn định hình ảnh khi quay (Gimbal)	cái	02	03
7	Thiết bị truyền hình ảnh không dây (Wireless)	Bộ	00	02
8	Đèn Flash máy ảnh	cái	03	03
9	Chân máy quay	cái	03	05
10	Thiết bị thu hình ảnh vào máy tính	cái	02	02
11	Thiết bị thu âm thanh vào máy tính	cái	01	01
12	Đèn quay phim	Bộ	00	02
13	Thiết bị thu âm thanh không dây cho máy ảnh	Bộ	01	02
14	Tủ chống ẩm	cái	02	03
15	Laptop	cái	01	02
16	Ổ cứng di động 4T	cái	02	02
17	Màn hình led ngoài trời Cơ sở 97 Võ Văn Tần	cái	01	01
18	Màn hình led tầng trệt Cơ sở 35-37 Hồ Hảo Hớn	cái	01	01

PHỤ LỤC 8

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Phòng Hợp tác - Quản lý
khoa học, định hướng đến năm 2030**

1. Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật và Giải pháp công nghệ (CEATS)

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy tính để bàn dùng để phân tích dữ liệu	Cái	00	01
2	Máy tính để bàn dùng để nghiên cứu	Cái	02	02

PHỤ LỤC 9

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Phòng Khảo thí,
định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: 870 /QĐ-ĐHM ngày 09/5/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Thiết bị của Bộ phận Khảo thí

Stt	Danh mục thiết bị	Đvt	Số lượng tối thiểu	Số lượng tối đa
1	Máy photocopy siêu tốc khổ A3	Cái	02	05
2	Máy photocopy siêu tốc khổ A4	Cái	01	02
3	Máy hủy giấy	Cái	01	02
4	Máy quyết chấm trắc nghiệm	Cái	08	10
5	Máy chủ	Cái	03	05
6	Phần mềm trộn đề thi	Bộ	00	01
7	Phần mềm chấm thi trắc nghiệm	Bộ	00	01
8	Phần mềm thống kê phân tích điểm	Bộ	00	01
9	Phần mềm phân tích đề thi trắc nghiệm	Bộ	00	01



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hà